

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
Trạm Y tế xã Phú Lâm, huyện Tân Phú**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà
thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 813/BC-SKHĐT
ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thầu
Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Phú Lâm, huyện Tân Phú.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, với nội dung chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Chỉ được khởi công xây dựng công trình khi đã đảm bảo bàn giao mặt bằng triển khai dự án.

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định. Lưu ý trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký hợp đồng, tổ chức điều chỉnh dự toán phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực hiện mua sắm thiết bị đảm bảo theo quy định tại điểm a Mục 4 Phần I; Mục 5 Phần I Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước, trong đó quy định: *Khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải căn cứ danh mục máy móc, thiết bị,*

vật tư, nguyên liệu, thuốc và vật tư y tế trong nước sản xuất được trên trang thông tin điện tử của các bộ quản lý chuyên ngành để xây dựng cho phù hợp với quy định “Khi lập và phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không được đưa ra yêu cầu hoặc định hướng đối với việc nhà thầu tham dự thầu phải chào hàng hóa nhập khẩu khi hàng hóa trong nước đã sản xuất hoặc lắp ráp được đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng, giá cả”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Hùng

PHỤ LỤC I KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phươn g thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Trạm Y tế xã Phú Lâm, huyện Tân Phú; nội dung công việc theo Quyết định số 3448/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và Phụ lục II đính kèm.	5.066.789.000 (Năm tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn); Trong đó, chi phí xây dựng: 5.025.469.372 đồng, chi phí thiết bị: 41.320.000 đồng	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ.	Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 180 ngày kể từ ngày khởi công.
2	Gói thầu số 02 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị xử lý nước thải y tế; bao gồm số lượng và chủng loại thiết bị theo Phụ lục II đính kèm.	286.000.000 (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
3	Gói thầu số 03 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị Hệ thống phòng cháy chữa cháy và máy phát điện dự phòng; bao gồm số lượng và chủng loại thiết bị theo Phụ lục II đính kèm.	296.763.000 (Hai trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

PHỤ LỤC II KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2020 của Chủ tịch
UBND tỉnh Đồng Nai).

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Thành tiền (đồng)
Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Trạm Y tế xã Phú Lâm, huyện Tân Phú.			
I	Chi phí xây dựng:	CPXD	5.025.469.372
II	Chi phí thiết bị		41.320.000
1	Máy lạnh 02 cục		36.000.000
2,1	Máy lạnh 01 chiều 02 cục 1,5HP + phụ kiện	02 bộ	
2,2	Máy lạnh 01 chiều 02 cục 2,0HP + phụ kiện	01 bộ	
2	Kim thu sét Rbv=25m	01 bộ	5.000.000
3	Router Wireless 9 Port	1 bộ	320.000
	Tổng cộng		5.066.789.000
Gói thầu số 02 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị xử lý nước thải y tế.			
1	Thiết bị xử lý nước theo công nghệ AAO	01 bộ	286.000.000
1,2	Thiết bị xử lý nước theo công nghệ AAO công suất 2m3/ngày đêm	01 bộ	264.000.000
1,2	Chi phí khác	01 t.bộ	22.000.000
	Tổng cộng		286.000.000
Gói thầu số 03 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị Hệ thống phòng cháy chữa cháy và máy phát điện dự phòng.			
1	Hệ thống PCCC + thiết bị PCCC (máy bơm chữa cháy, bình bột, bình CO2, bảng tiêu lệnh, hộp cứu hỏa, cuộn vòi, lăng phun), gồm các thiết bị:		
1,1	Máy bơm chữa cháy	01 cái	231.000.000
1,2	Nhà để máy bơm	01 nhà	5.000.000
1,3	Van 3 chạc	01 cái	1.980.000
1,4	Vòi chữa cháy đường kính 65mm	02 cuộn	2.200.000
1,5	Lăng A chữa cháy đường kính 65mm	02 cái	286.000

1,6	Vòi chữa cháy đường kính 50mm	04 cuộn	3.520.000
1,7	Hộp đựng vòi PCCC	03 cái	1.650.000
1,8	Lăng B chữa cháy đường kính 50mm	02 cái	242.000
1,9	Bình chữa cháy CO2 MT 5kg	05 bình	3.850.000
1,10	Bình chữa cháy bột MFZ 8kg	05 bình	2.750.000
1,11	Kệ đôi để 2 bình PCCC	05 cái	1.485.000
1,12	Bảng nội qui tiêu lệnh PCCC	04 cái	440.000
1,13	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	01 gói	12.000.000
2	Máy phát điện 1500VA/220V/50Hz		
	Máy phát điện dự phòng 1500VA/220V/50Hz+ATS 3P-80A	01 cái	27.500.000
	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	01 gói	2.860.000
	Tổng cộng		296.763.000
Gói thầu số 04 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị y tế.			
I	KHÁM ĐIỀU TRỊ CHUNG		
1	Giường bệnh inox	4 cái	19.200.000
2	Tủ đầu giường inox	5 cái	7.800.000
3	Bàn khám bệnh inox	2 cái	7.000.000
4	Đèn bàn khám bệnh	3 cái	2.400.000
5	Huyết áp kế người lớn	2 cái	1.360.000
6	Nhiệt kế y học 42°C (Nhiệt kế điện tử)	8 cái	1.280.000
7	Máy điện tim 1 kênh	1 cái	51.800.000
8	Máy siêu âm chẩn đoán loại xách tay	1 cái	354.000.000
9	Máy khí dung	1 cái	2.000.000
10	Máy hút điện	1 cái	21.800.000
11	Máy hút dịch đập chân	1 cái	4.800.000
12	Búa thử phản xạ	1 cái	90.000
13	Bóp bóng người lớn + mask	1 cái	650.000
14	Bóp bóng trẻ em + mask	1 cái	650.000
15	Bàn tiểu phẫu	1 cái	3.500.000
16	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	1 cái	8.900.000
17	Cân trọng lượng 120kg có thước đo chiều cao	1 cái	2.500.000
18	Bàn để dụng cụ inox	2 cái	2.772.000
19	Cáng tay inox	1 cái	1.820.000

20	Cáng đẩy inox	1 cái	5.565.000
21	Tủ đựng thuốc và dụng cụ inox	1 cái	5.720.000
22	Kẹp phẫu tích 1x2 răng, dài 200mm	2 cái	1.700.000
23	Kẹp phẫu tích không máu, 140mm	2 cái	1.440.000
24	Kéo thẳng nhọn 145mm	2 cái	1.440.000
25	Kéo thẳng tù 145mm	3 cái	2.160.000
26	Kéo thẳng nhọn/tù 145mm	3 cái	2.160.000
27	Kéo cong tù 145mm	3 cái	2.160.000
28	Kéo cắt bông gạc	3 cái	2.310.000
29	Kẹp kim Mayo 200mm	2 cái	2.772.000
30	Đèn Clar	1 cái	15.000.000
31	Giá treo dịch truyền Inox	2 cái	900.000
32	Đèn pin	1 cái	300.000
33	Thông tiểu nam, nữ các loại	20 cái	1.300.000
34	Ghế đầu quay	2 cái	1.220.000
35	Các bộ nẹp chân, tay	5 bộ	1.100.000
36	Garô cho tiêm truyền và garô cầm máu	10 cái	150.000
37	Hộp chống sốc cho phòng cấp cứu, P. sanh, P. Khám SPK, RHM + TMH	2 hộp	190.000
38	Máy tạo oxy loại nhỏ cho phòng cấp cứu và phòng sanh	1 cái	82.500.000
39	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	1 gói	35.000.000
II	Y HỌC CỔ TRUYỀN		
40	Máy châm cứu	2 cái	127.000.000
41	Tủ đựng thuốc đông y inox	1 cái	33.000.000
42	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt inox	2 cái	14.520.000
43	Ghế ngồi chờ khám	3 cái	19.140.000
44	Bàn cân thuốc thang	2 cái	720.000
45	Giá, kệ đựng dược liệu inox	4 cái	25.520.000
46	Tủ chia ô đựng thuốc nam, bắc (mỗi tủ 50 ô)	2 cái	92.400.000
47	Kim châm cứu và hộp đựng kim	50 bộ	2.750.000
48	Đèn hồng ngoại	2 cái	2.772.000
49	Khay đựng dụng cụ inox (30 x 45 cm)	4 cái	1.320.000
50	Khay quả đậu inox	4 cái	960.000

51	Panh có mẫu dài 140mm	4 cái	3.040.000
52	Panh không mẫu dài 140mm	4 cái	3.040.000
53	Kẹp phẫu tích	4 cái	2.880.000
54	Hộp đựng bông, cùn	2 hộp	220.000
55	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	1 gói	18.000.000
III	CHUYÊN KHOA TMH – RHM – MẮT		
56	Bộ khám ngũ quan + đèn treo trán	1 bộ	20.790.000
57	Kẹp lấy dị vật tai	1 cái	7.500.000
58	Loa soi tai	1 Bộ/3cái	1.500.000
59	Kẹp lấy dị vật mũi	2 cái	6.600.000
60	Kìm khám mũi	1 cái	2.600.000
61	Kìm nhổ răng trẻ em	2 bộ	85.700.000
62	Kìm nhổ răng người lớn	1 bộ	43.500.000
63	Bẫy răng thẳng	5 cái	14.000.000
64	Bộ khám (khay quả đậu, gương, gắp)	1 bộ	1.690.000
65	Bộ dụng cụ hàn răng sâu ngà đơn giản	1 bộ	4.290.000
66	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	1 gói	11.000.000
IV	XÉT NGHIỆM		
67	Máy xét nghiệm nước tiểu (đơn giản)	1 cái	32.800.000
68	Tủ lạnh 150 lít	1 cái	6.600.000
69	Máy ly tâm nước tiểu	1 cái	65.000.000
70	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	1 gói	6.000.000
V	KHÁM ĐIỀU TRỊ SẢN PHỤ KHOA - ĐỖ ĐỂ		
71	Kẹp gắp bông gạc thẳng 200mm	2 cái	2.772.000
72	Kẹp cầm máu thẳng loại Korcher - Ochner thép không gỉ 160mm	2 cái	1.980.000

73	Kéo cong 160mm thép không gỉ	2 cái	2.380.000
74	Kim khâu 3 cạnh, 3/7 vòng	2 cái	40.000
75	Chậu tắm trẻ em 25 lít	1 cái	305.000
76	Băng huyết áp kế trẻ em	1 cái	1.100.000
77	Bóng hút nhót mũi trẻ sơ sinh + ống hút nhót	2 cái	290.000
78	Bơm hút sữa bằng tay	1 cái	80.000
79	Kéo cắt tăng sinh môn 200mm	2 cái	3.380.000
80	Kim khâu cổ tử cung	2 cái	40.000
81	Balon oxy hoặc bình oxy xách tay có đồng hồ	1 cái	5.720.000
82	Cân trẻ sơ sinh 15kg	1 cái	750.000
83	Bộ dây hút nhót trẻ sơ sinh (hút bằng máy)	2 cái	43.600.000
84	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	1 gói	5.000.000
VI	DỤNG CỤ DIỆT KHUẨN		
85	Nồi hấp áp lực 18 lít điện – than	1 cái	59.630.000
86	Tủ sấy điện cỡ nhỏ	1 cái	38.500.000
87	Kẹp dụng cụ sấy hấp	2 cái	3.000.000
88	Chậu thép không gỉ - dung tích 6 lít	1 cái	200.000
89	Chậu nhựa 10 – 20 lít	4 cái	780.000
90	Xô đựng 12 đến 15 lít	4 cái	1.940.000
91	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	1 gói	6.000.000
VIII	TÚI Y TẾ THÔN BẢN		
92	Y nhiệt kế 42 ⁰ C	2 cái	320.000
93	Kẹp Kocher thẳng 160mm có máu và khóa hãm	1 cái	796.000
94	Kẹp cong có máu và khóa hãm 160mm	1 cái	826.000
95	Kẹp phẫu tích 160mm	1 cái	550.000
96	Kéo thẳng 160mm đầu tù	1 cái	800.000
97	Thước dây bằng vải trắng nhựa 1.5m	1 cái	17.000
98	Đề lưỡi các loại	10 cái	150.000
99	Hộp đựng dụng cụ 220 x 100 x 50mm, nhôm dày 0,85 – 1mm	1 cái	350.000
100	Đèn pin + 2 pin đại	1 bộ	150.000

101	Túi đựng dụng cụ giả da xách tay, 3 ngăn, có dây đeo (300 x 240 x 100 mm)	1 cái	165.000
102	Các bộ nẹp chân , tay các loại	5 bộ	825.000
103	Túi y tế	1 bộ	165.000
104	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	1 gói	1.000.000
	Tổng cộng		1.499.862.000

Gói thầu số 05 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị văn phòng.

	THIẾT BỊ THÔNG DỤNG		
1	Đèn bình ắc qui	2 cái	3.520.000
2	Loa phóng thanh cầm tay	1 cái	3.520.000
3	Máy vi tính	1 cái	14.300.000
4	Máy in A4	1 cái	3.960.000
5	Máy thu hình (TV)	1 cái	15.000.000
6	Điện thoại bàn	1 cái	300.000
7	Bàn làm việc	4 cái	13.200.000
8	Ghế gỗ (ghế tựa gỗ)	12 cái	14.400.000
9	Ghế băng	3 cái	22.500.000
10	Tủ đựng tài liệu	4 cái	20.000.000
11	Bảng đen	2 cái	5.500.000
12	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tận nơi sử dụng	1 gói	6.000.000
	Tổng cộng		122.200.000

Gói thầu số 06 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt Thiết bị xử lý nước sinh hoạt.

	THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT		
1	Bồn lắng	2 cái	15.860.000
2	Bơm 0.5HP	3 cái	13.155.000
3	Thiết bị oxy hoá khử sắt, mangan	1 bộ	17.600.000
4	Thiết bị khử cứng	1 bộ	25.000.000
5	Thiết bị lọc Ceramic sinh học đa tầng	1 bộ	14.700.000
6	Thiết bị lọc RO	1 bộ	86.830.000
7	Bồn chứa nước sạch QCVN 01	1 cái	4.000.000
8	Nhà bao che	1 nhà	35.000.000

9	Tủ điện động lực – điều khiển và cáp điện	1 bộ	33.000.000
10	Vận chuyển từ cảng tới công trình	1 chuyến	7.000.000
11	Nhân công lắp đặt hệ thống	1 gói	15.000.000
12	Vận hành, xét nghiệm, chuyển giao công nghệ...	1 gói	15.000.000
	Tổng cộng:		282.145.000